

Số: 12/2018/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển
và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 2392/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát,

thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố, đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ

Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn. Ưu tiên bố trí vốn cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư các vùng trong tỉnh.

Điều 3. Tiêu chí và định mức phân bổ cho các dự án thuộc Chương trình 135

1. Các tiêu chí cụ thể

- a) Tiêu chí về áp đặc biệt khó khăn;
- b) Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo;
- c) Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số.

2. Cách tính hệ số các tiêu chí

- a) Tiêu chí về áp đặc biệt khó khăn

Số áp đặc biệt khó khăn	Hệ số (H1)
Cứ 01 áp đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư được tính	1,8

- b) Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo của xã	Hệ số (H2)
Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh	0
Từ bằng đến 1,5 lần tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh	0,02
Lớn hơn 1,5 đến 2 lần tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh	0,03
Lớn hơn 2 đến 2,5 lần tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh	0,04

Trên 2,5 lần tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh	0,05
--	------

Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 (tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh cuối năm 2015 là 14,91%).

c) Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số

Tỷ lệ người dân tộc thiểu số	Hệ số (H3)
Nhỏ hơn hoặc bằng 25%	0,03
Trên 25%	0,04

3. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số hệ số của từng xã; tổng hệ số của các xã thực hiện Chương trình 135 sử dụng ngân sách trung ương làm căn cứ phân bổ vốn như sau:

a) Phương pháp tính

Tổng hệ số các nội dung của 1 xã (Y)

$$Y = H1 \times (1 + H2 + H3).$$

Tổng hệ số của Chương trình (N)

$N =$ Tổng hệ số của các xã cộng lại.

Tổng mức vốn được phân bổ của chương trình (M)

$M =$ Tổng vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp.

b) Xác định mức phân bổ vốn

Mức vốn bình quân phân bổ cho 01 Hệ số (K)

$$K = M : N$$

c) Số vốn phân bổ cho từng xã (X)

$$X = K \times Y.$$

4. Áp dụng tiêu chí, định mức trên để phân bổ

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn.

b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn.

5. Đối với Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, các ấp đặc biệt khó khăn: Căn cứ vào nguồn vốn ngân sách Trung ương cân đối hàng năm, các văn bản hướng dẫn của các Bộ,

ngành Trung ương (nếu có), Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 4. Các dự án ngoài Chương trình 135, bao gồm:

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 135 (thuộc dự án 3 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg).

2. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (thuộc dự án 4 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg).

3. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình (thuộc dự án 5 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg).

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất mức vốn phân bổ cụ thể theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Văn phòng QH;
- Văn phòng CP (HN, TP.HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Các cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



Huỳnh Thanh Tạo